

Nhân kỷ niệm ngày sinh 1/7/1822 và ngày mất 3/7/1888 của nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu:

VỀ CẦN GIUỘC THĂM CHÙA TÔN THẠNH...

Nguyễn Văn Đất Việt

Trong bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, có câu: "...Chùa Tôn Thạnh năm canh ung đóng lạnh, tấm lòng son gởi lại bóng trăng rằm...". Hồi còn học trung học phổ thông ở Ba Tri, mỗi khi nói đến địa danh chùa Tôn Thạnh thì tôi ao ước có một ngày đi đến được địa danh này cho thỏa lòng mong muốn. Bây giờ, xa trường trung học Ba Tri - nơi an nghỉ cuối cùng của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu - đã 12 năm rồi, tôi mới có dịp đến thăm ngôi chùa Tôn Thạnh, trong một dịp tình cờ đi công tác ở huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Những ngày cuối tháng 6.2005, trời mưa rả rít, tôi và một người nữa là nhà thơ trẻ xứ Bình Dương tên là Lê Minh Vũ đã nhờ anh Danh, Phó Chánh thanh tra huyện Cần Giuộc là một người quen cũ dẫn đi. Nhóm chúng tôi qua xã Trường Bình, mà như cố tìm lại hình ảnh của chốn cũ, người xưa trong trí tưởng tượng bởi câu : " Đoái sông Cần Giuộc, cỏ cây mấy dặm sầu giăng; Nhìn chợ Trường Bình, già trẻ gái trai hai hàng lụy nhỏ...".

Trong miên man suy nghĩ, chúng tôi đến cổng chùa Tôn Thạnh lúc nào không hay. Chùa Tôn Thạnh là loại di tích lịch sử lưu niệm danh nhân. Tại đây, Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ lớn của dân tộc đã dạy học, làm thuốc, chữa bệnh cho dân và còn sáng tác thơ văn yêu nước trong những năm sinh sống tại đây, từ năm 1859 đến năm 1862. Chùa Tôn Thạnh tọa lạc tại ấp Thanh Ba, xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Chùa nằm trên đường tỉnh lộ 835, cách UBND xã Mỹ Lộc 1.100m về hướng Đông Bắc. Tổng diện tích toàn bộ khu vực chùa là 33.410m², trong đó diện tích ngôi chùa chiếm 940m². Đầu tiên là cổng chùa, nằm kề bên tỉnh lộ 835, được xây dựng năm 1960, chất liệu xi măng. Trên biển đề hàng chữ chùa Tôn Thạnh. Qua cổng, đi theo lối vào chùa được lát những tấm xi măng vuông khoảng 70m là tới ngôi chùa. Bóng dáng ngôi chùa Lan Nhựt của nhà sư Viên Ngộ xưa thì nay đã không còn. Xưa kia ngôi chùa có cấu trúc dạng chữ tam ba (gạch ngang), 3 dãy nhà song song theo thứ tự từ trước ra sau là các ngôi: tiền điện, chánh điện và nhà giảng. Hiện nay, chùa có cấu trúc mặt bằng gần giống dạng chữ định (J), vì có thêm 2 ngôi đông lang và tây lang (thiền tăng, thiền ni) nối ra ở 2 đầu nhà giảng. Năm 1963, ngôi tiền điện được dời ra đằng sau tịnh thất và ngay tại nền nhà cũ này được xây lên một ngôi nhà mái bằng, vật liệu bằng gạch sắt, xi măng. Bức tường phía ngoài trở thành mặt diện của chùa. Nơi này được gọi là tiền điện có diện tích 49,25m², tường cao 3,8m, nền lát gạch bông. Ở mặt tiền, phía bên trên cửa trung tâm gắn 1 bức biển tên chùa với 3 chữ Hán Tôn Thạnh Tự. Hai bên khung cửa trang trí câu đối viết bằng sơn đen trên nền vàng. Bước vào trong tiền điện có treo 2 bức hoành phi nền sơn son, chữ màu vàng, do bá tánh cúng cách đây 10 năm. Chính giữa tiền điện treo một chùm đèn gồm 49 ngọn gọi là đèn được sư. Hai bên hông tiền điện bài trí 18 tượng La Hán bằng xi măng.

Nói tiếp tiền điện là chánh điện rộng 76,83m². Hai ngôi nhà này không có vách ngăn. Chánh điện được trùng tu năm 1926. Đó là ngôi nhà kiểu tứ trụ, cột gỗ vuông, mái bánh ít mở rộng ra bốn phía đều nhau, lợp ngói móc. Trên nóc trang trí hình lưỡng long tranh châu bằng sành. Nền lót gạch bông giống ngôi tiền điện. Các ban thờ trong chánh điện được bố trí nay vẫn còn nhiều nét xưa.

Bên bàn trà nóng hồi còn nghi ngút khói, vị sư trụ trì chùa là Thích Tác Lãnh đã kể về sự tích của ngôi chùa một thời đầy huyền thoại. Theo như lời kể của sư trụ trì chùa thì ngôi chùa xây dựng năm 1808 và tính đến nay gần 200 năm, do ông Tăng Ngộ, pháp danh Viên Ngộ sáng lập. Sử sách ghi lại rằng, ông Tăng Ngộ tên thật là Nguyễn Ngọc Dót, sinh năm 1786, con thứ của ông Nguyễn Ngọc Bình và bà Trà Thị Huệ. Năm 20 tuổi, Nguyễn Ngọc Dót xin phép cha mẹ được xuất gia theo Phật.

Để thử lòng con mình có quyết tâm hay không, người cha đã sai con vào bếp cầm một hòn than còn lửa cháy đỏ trên tay mang ra cho mình hút thuốc. Người con đã làm theo ý cha trước sự thán phục của các thành viên trong gia đình. Ngày hôm sau, Nguyễn Ngọc Dốt đến chùa Vĩnh Quang tại chợ Trường Bình cắt tóc quy y, học kinh, làm công quả, mỗi ngày chỉ ăn một bữa cơm trưa. Từ đó, Nguyễn Ngọc Dốt lấy pháp danh là Viên Ngộ, người đời gọi là Tăng Ngộ.

Năm 1808, ông Tăng Ngộ xin phép hòa thượng chùa Vĩnh Quang đến rạch Thanh Ba lập một ngôi chùa lấy tên là Lan Nhược hay Lan Nhã, pháp hiệu Tông Thạnh với nghĩa dòng dõi hưng thịnh, về sau nhân dân gọi thành Tôn Thạnh. Khoảng năm 1813, chùa cất gần xong, ông kêu gọi khách thập phương góp của, công đúc tượng Địa Tạng Vương Bồ Tát. Pho tượng đúc lần đầu bị nứt ở sau lưng một lần dài cỡ 1 ngón tay, để tỏ rõ quyết tâm, ông Tăng Ngộ đã chặt một ngón tay bên hữu rồi quăng vào nồi nấu đồng. Pho tượng đúc xong không có sự cố gì xảy ra. Năm 1820, bệnh đậu mùa nổi lên khắp xã Thanh Ba, ông Tăng Ngộ nguyện nhịn ăn để cầu trời phật cho dân làng vượt qua cơn dịch bệnh. Một tuần sau, trong làng hết dịch bệnh, nhưng kể từ đó cũng nhịn ăn kéo dài đến 26 năm. Đến năm 1846, ông Tăng Ngộ tuyệt thủy đến ngày 49 nhịn khát, ông viên tịch. Người trong xã để di táng ông ở phía sau ngôi chùa gọi là Tăng Pháp cho đến nay. Và còn rất nhiều câu chuyện huyền thoại thần kỳ khác xung quanh ngôi chùa và nhà sư Viên Ngộ.

Lại nói về nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu, khi quân Pháp đánh chiếm thành Gia Định thì ông cùng gia đình chạy về quê vợ ở làng Thanh Ba, Cần Giuộc. Về đây, ông mở lớp dạy học, vừa làm thuốc trị bệnh cho dân làng tại chùa Tôn Thạnh. Trong thời gian ở đây, ông gần gũi với người lao động nên hiểu tư tưởng, tình cảm của đất và người xứ Cần Giuộc. Bài Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc được Nguyễn Đình Chiểu viết tại ngôi chùa Tôn Thạnh, ngay sau khi hay tin nghĩa quân do Bùi Quang Diệu chỉ huy bí mật tập kích đồn Tây Dương ở Cần Giuộc. Nghĩa quân biết được phó đô đốc Bornard vừa thay đô đốc Charner đã ra lệnh cho rút bớt quân lính ở các đồn tập trung lực lượng đánh chiếm Biên Hòa, hòng chặn đường liên lạc giữa triều đình với nghĩa quân miền Tây Nam bộ. Lợi dụng việc rút bớt quân này, nghĩa quân Cần Giuộc từ 3 điểm phục kích, trong đó có một điểm ở chùa Tôn Thạnh, kéo đến vây đồn Tây Dương. Cuộc chiến diễn ra ác liệt, nghĩa quân hy sinh 15 người (có tài liệu ghi 27 người). Trước đau thương này, Nguyễn Đình Chiểu đã làm bài Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc để điều những nghĩa quân đã anh dũng hy sinh trong trận công đồn đêm đó...

Chia tay chùa Tôn Thạnh, trên đường về, tôi không sao quên được hình ảnh nằm ở khoảng giữa đường từ cổng chùa, phía bên phải là bia kỷ niệm nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu do Nha văn hóa - phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa chính quyền Sài Gòn xây dựng năm 1973. Bia xây bằng gạch, xi măng, cao 160 cm, rộng 130 cm, dày 23cm. Các cạnh chân bia đều tạo thành hình tứ giác. Nóc bia có mái che nhỏ, 4 góc mái là 4 đầu đao cong. Chính giữa đỉnh bia có hình bầu hồ lô. Mặt bia bằng đá cẩm thạch màu đen, khắc những dòng chữ quốc ngữ: “Dưới mái chùa Tôn Thạnh này, từ năm Kỷ Mùi (1859) đến năm Nhâm Tuất (1862) đại chí sĩ Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) bề ngoài mở lớp dạy học, bên trong lãnh đạo nghĩa binh chống Pháp, và cũng nơi đây Cụ đã sáng tác thơ: Lục Vân Tiên”.